

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TRONG NÔNG NGHIỆP VÀ ĐÓNG GÓP CỦA TƯ DUY XÃ HỘI HỌC

NGUYỄN ĐỨC TRUYỀN*

Tóm tắt: Trong công cuộc đổi mới xã hội của Việt Nam, sự đổi mới trong lĩnh vực nông nghiệp là đầu tiên, khó khăn nhất, có quy mô rộng lớn nhất nhưng cũng thành công nhất. Sự thành công của đổi mới trong nông nghiệp gây ấn tượng nhất ở chỗ nó là nhân tố chính quyết định thành công của công cuộc xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam. Chỉ đến khi triển khai chính sách khoán 10, vấn đề mô hình sản xuất tập thể hóa và mô hình kinh tế hộ nông dân trong nông nghiệp mới được xem xét toàn diện về mặt khoa học, và không còn bị giới hạn trong tư duy ý thức hệ chỉ nhằm duy trì các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa cho dù không còn phù hợp với thực tiễn của nền kinh tế. Việc khẳng định tính ưu việt của mô hình kinh tế hộ nông dân trong bối cảnh kinh tế-xã hội Việt Nam ở thời kỳ đầu Đổi mới là sự đổi mới của tư duy khoa học và trọng tâm của nó là tư duy xã hội học.

Từ khóa: nông nghiệp, tư duy xã hội học.

Nhận bài: 07/7/2025

Gửi phản biện: 17/7/2025

Duyệt đăng: 29/8/2025

1. Giới thiệu

Trong công cuộc đổi mới xã hội của Việt Nam, sự đổi mới trong lĩnh vực nông nghiệp phải nói là đầu tiên, khó khăn nhất, có quy mô rộng lớn nhất nhưng cũng là thành công nhất. Sự thành công của đổi mới trong nông nghiệp có lẽ gây ấn tượng nhất ở chỗ nó là nhân tố chính quyết định thành công của công cuộc xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam. Nếu như năm 1993, tỷ lệ hộ nghèo ở Việt Nam chiếm hơn 58% thì đến năm 2021, con số này là 2,23% (Giang Lê, 2024). Hơn nữa 80% dân số nước ta vào những năm 1980 và 1990 đều gắn bó với nông nghiệp và nông thôn nên sự đổi mới trong nông nghiệp còn mang tầm vóc quốc gia. Chính sự thành công này của đổi mới trong nông nghiệp đã tạo đà cho công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hóa của nước ta từ những năm đầu của thế kỷ XXI.

Để nói về những thành công của công cuộc Đổi mới trong nông nghiệp ở Việt Nam, chúng ta không thể không nói đến những nỗ lực của Đảng và Nhà nước từ khi bắt đầu công

* Hội Xã hội học Việt Nam.

cuộc hợp tác hoá nông nghiệp nông thôn nhằm thích ứng mô hình kinh tế của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa vào điều kiện kinh tế-xã hội thực tế ở nước ta. Tuy nhiên cũng phải thừa nhận rằng mô hình hợp tác xã-tập thể hoá trong nông nghiệp đã đáp ứng rất tốt những nhu cầu tổ chức kinh tế trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ trên cả nước, nhằm cung cấp sức người và lương thực cho cả hậu phương và tiền tuyến. Những hộ có chồng con đi bộ đội có thể yên tâm sống và lao động trong sự trợ giúp về mọi mặt của Hợp tác xã và chính quyền địa phương. Nhưng dần dà, những bất cập của mô hình kinh tế hợp tác tập thể hoá ngày càng gây bức xúc trong tâm trí của cả những người nông dân xã viên và các cán bộ lãnh đạo địa phương. Có rất nhiều lý do để người nông dân không còn gắn bó với lao động tập thể và hợp tác xã: năng suất lao động ngày càng giảm nên thu nhập không đảm bảo mức sinh hoạt bình thường của họ, cơ chế quản lý quan liêu bao cấp dễ nảy sinh các hiện tượng thiếu trách nhiệm, tham ô lãng phí của cán bộ. Có rất nhiều giải pháp được đưa ra để cải tiến cơ chế quản lý hợp tác xã nhưng không thành công vì những vướng mắc của tư duy ý thức hệ - phải bảo vệ mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa bằng mọi giá.

Sau chiến tranh năm 1975 những khó khăn của công cuộc tái thiết đất nước càng làm cho những bất cập của mô hình kinh tế tập thể hoá nông nghiệp ngày càng nghiêm trọng. Những thể nghiệm không chính thức cho một mô hình quản lý kinh tế mới trong nông nghiệp ở nhiều địa phương (Vĩnh Phúc, Hải Phòng) đều hướng về mô hình kinh tế hộ nông dân truyền thống. Trong khi đó tinh thần đổi mới, sáng tạo và tự chủ trong Đảng xuất hiện đúng lúc qua phong trào đổi mới tư duy do Tổng bí thư Nguyễn văn Linh cổ vũ đã có ảnh hưởng quyết định đến công cuộc đổi mới mô hình kinh tế trong nông nghiệp. Từ đó tiếng nói của các nhà khoa học từ các ngành khoa học khác nhau có cơ hội để đóng góp vào cơ sở lý luận và thực tiễn để hoàn thiện các chính sách đổi mới trong nông nghiệp. Và cũng từ đó các nhà khoa học nhất là các nhà nông học và xã hội học đã truyền tải những tri thức khoa học thế giới về kinh tế hộ nông dân, mà người đi tiên phong là Tchayanov, nhà nông học và xã hội học Nga trong thời kỳ của Lênin và Stalin, đã được công nhận rộng rãi trên thế giới và các nhà khoa học khác tiếp nối chủ đề nghiên cứu của ông (Tchayanov, 1995). Ở ông tư duy xã hội học đã cho phép làm sáng tỏ những vấn đề của kinh tế nông dân và xã hội nông thôn.

2. Sự đóng góp của tư duy xã hội học trong công cuộc đổi mới nông nghiệp

2.1. Tư duy ý thức hệ và sự khủng hoảng của mô hình kinh tế tập thể hóa trong nông nghiệp

Phải nói rằng vào những năm đầu của công cuộc Đổi mới, tức là đầu những năm 1980 công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã trải qua rất nhiều khó khăn thử thách do chiến tranh và những bất cập của các mô hình tổ chức kinh tế và xã hội theo kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa. Nền nông nghiệp tập thể hoá là nền tảng kinh tế-xã hội của đất nước đã phát huy hết vai trò của nó trong thời kỳ chiến tranh, và rơi vào khủng hoảng triền miên từ nhiều năm trước đó, Đảng và Nhà nước đã đi tìm nhiều giải pháp tháo gỡ song

vẫn chưa thành công vì có quá nhiều trở ngại về vật chất và tinh thần do nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp luôn trong tình trạng tự cung tự cấp, đóng kín và không có quan hệ thị trường với thế giới bên ngoài. Hơn nữa những cản trở tinh thần do ảnh hưởng của tư duy ý thức hệ không muốn xa rời mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa, mang tính tập trung quan liêu bao cấp kìm hãm sự phát triển của sức sản xuất xã hội do ít quan tâm đến các lợi ích cá nhân của người lao động và không nhận thấy sức sống của mô hình tổ chức kinh tế-xã hội truyền thống là kinh tế hộ nông dân. Vì thế từ mô hình kinh tế hộ nông dân truyền thống, bị coi là sản xuất nhỏ manh mún lạc hậu, đã gợi ý cho kinh tế tập thể hoá những ý tưởng của chính sách “khoán 100” hay “khoán sản” rồi chính sách “khoán 10” là “khoán gọn” hay Nhà nước giao toàn bộ đất canh tác cho các hộ gia đình.

2.2. Sự khôi phục mô hình “kinh tế hộ nông dân” và thành công của chính sách khoán 10

Thành quả của chính sách khoán 10 đã thực sự đảo ngược xu thế suy giảm của nền kinh tế quốc gia từ những năm 1960. Năm 1987, Việt Nam có hai triệu hộ thiếu đói, nhưng năm 1989, sau khoán 10, nước ta đã xuất khẩu 1,4 triệu tấn gạo ra thế giới và căn bản xoá bỏ tình trạng đói nghèo sau 10 năm đổi mới (1993-2003) (Ngô Hồng Giang, 2006). Kinh tế hộ nông dân không chỉ làm cho người nông dân gắn bó trở lại với đất canh tác được giao khoán như với mảnh đất 5% của hộ gia đình trước đây, từng khâu trong quy trình sản xuất nông nghiệp được thực hiện nghiêm túc trở lại. Không còn tình trạng gian dối trong lao động của thời kỳ lao động tập thể - chỉ cốt lấy công điểm mà không chú ý đến kết quả sản xuất như cày bừa dối, gánh phân chỉ đổ đầu bờ cho chóng xong công việc, đi làm nông nghiệp theo tiếng kèng như trong xí nghiệp công nghiệp hay cơ quan nhà nước mà không còn dậy sớm thức khuya để tranh thủ những thời gian sinh học tốt nhất trong ngày cho sự chăm sóc cây trồng như khi còn kinh tế hộ nông dân. Sự làm chủ kinh tế của hộ gia đình còn cho phép họ phát huy khả năng tối ưu hoá phân công lao động để đa dạng hoá các hoạt động kinh tế như chăn nuôi, dịch vụ và thủ công để gia tăng tối đa thu nhập gia đình. Từ đó các hoạt động phi nông nghiệp của hộ gia đình gia tăng lại tăng cường đầu tư trở lại cho sản xuất nông nghiệp, giúp gia tăng đáng kể hiệu quả thu nhập của kinh tế hộ gia đình. Kinh tế hộ gia đình được khôi phục cũng giúp khôi phục trở lại sự gắn kết của các quan hệ gia đình, họ hàng và cộng đồng truyền thống trong nông thôn.

2.3. Chính sách chuyển sang nền kinh tế thị trường của Nhà nước và sự chuyển đổi của kinh tế hộ gia đình sang kinh tế hộ kinh doanh là khởi đầu của sự kết thúc tình trạng tự cung tự cấp và nghèo đói

Tuy nhiên, kinh tế hộ nông dân chỉ thực sự phát huy hết sức mạnh khi mô hình này được thoát ra khỏi cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp trước đó vốn trói buộc lao động nông thôn với mảnh ruộng và cây lúa của họ. Trong khi mô hình kinh tế hộ nông dân truyền thống luôn kết hợp nông nghiệp với các nghề phụ là dịch vụ, thủ công và buôn bán, cho dù các hoạt động này chỉ có tính phụ trợ trong nền kinh tế quốc gia chủ yếu dựa

vào nông nghiệp tự cung tự cấp, không có quan hệ thị trường với thế giới bên ngoài. Khi đó Đảng và Nhà nước đã chủ trương chuyển nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không chỉ giải phóng kinh tế nông nghiệp và kinh tế hộ nông dân khỏi khuôn khổ bao cấp và tự cung tự cấp của nó mà còn chuyển nền kinh tế quốc gia thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là vừa vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường vừa thực hiện vai trò định hướng của Nhà nước trong sản xuất nông nghiệp.

Khi kinh tế hộ nông dân được phục hồi và giải phóng, sản xuất nông nghiệp được khởi sắc, năng suất lao động và hiệu quả thu nhập kinh tế của hộ nông dân ngày một gia tăng, sự lựa chọn tham gia kinh tế thị trường của hộ nông dân ngày càng mạnh mẽ, vì họ đã có nguồn lực tích lũy để mở rộng đầu tư sang các hoạt động kinh tế khác hiệu quả hơn. Các hộ nông dân dần trở thành các hộ kinh doanh và hầu hết đã thoát nghèo, trở nên khá giả hay giàu có, rất ít hộ nghèo (khoảng 2%) hiện tại chủ yếu do thiếu khả năng tham gia kinh tế thị trường vì nhiều lý do đặc biệt.

Do nông nghiệp phát triển vượt bậc, nên từ đầu những năm 2000 Việt Nam bắt đầu bước vào kỷ nguyên công nghiệp hoá và hiện đại hoá thực sự. Tỷ trọng lớn trong thu nhập quốc gia dần chuyển sang các khu vực công nghiệp và dịch vụ. Thu nhập từ nông nghiệp hiện nay chỉ còn chiếm khoảng 11,9% GDP, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 37,64%, và dịch vụ là 42,36%% (Tô Hà, 2025).

2.4. Đổi mới từ tư duy ý thức hệ sang tư duy thực tiễn và khoa học trong nông nghiệp và sự đóng góp của tư duy xã hội học

Có thể nói công cuộc đổi mới trong nông nghiệp và thành tựu của nó đã trở thành mẫu mực cho sự đổi mới tư duy trong các lĩnh vực khác ở nước ta. Bởi vì chưa có lĩnh vực nào ở nước ta có được những đổi mới tư duy thành công như trong lĩnh vực nông nghiệp. Hiện trong công nghiệp và dịch vụ, sự đổi mới vẫn còn cân nhắc giữa các mô hình “doanh nghiệp nhà nước”, “doanh nghiệp tư nhân” và “doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá”. Các công ty phần mềm và tin học ở Việt Nam cũng đang ao ước có một công cuộc đổi mới trong công nghệ thông tin như trong nông nghiệp để cất cánh như các công ty quốc tế (Video Nguyễn Tử Quảng tại Diễn đàn kinh tế 2025). Tổng bí thư Tô Lâm cũng đang nhấn mạnh vào vai trò của kinh tế tư nhân trong công cuộc đổi mới hiện tại và muốn các công ty tư nhân lớn của nước ta hiện nay đảm nhận các dự án kinh tế công nghiệp lớn và hiện đại như đường sắt cao tốc Bắc-Nam.

Sự đổi mới trong các chính sách kinh tế nông nghiệp của Việt Nam cuối những năm 1980 và 1990 đã bắt đầu từ những trải nghiệm của chính những người nông dân và những cán bộ lãnh đạo địa phương ưu tú về những bất cập của mô hình tập thể hoá trong sản xuất nông nghiệp. Trong khuôn khổ của tư duy ý thức hệ, nhiều địa phương đã âm thầm thực hiện các hình thức khoán chui trong khuôn khổ địa phương mình với tư cách là những đổi mới kỹ thuật trong quản lý kinh tế hợp tác xã, vì nó đáp ứng những nhu cầu chính đáng là

cải thiện mối quan hệ lợi ích giữa cá nhân và tập thể. Khi các chính sách khoán trong kinh tế tập thể được nhà nước công khai thừa nhận, hiệu quả của nó dần bị triệt tiêu do những khuyết tật của mô hình hợp tác hoá như tình trạng gian dối của xã viên trong sản xuất và tình trạng rong công phóng điểm trong quản lý sản xuất tập thể.

Cho đến khi triển khai chính sách khoán 10, vấn đề mô hình sản xuất tập thể hóa và mô hình kinh tế hộ nông dân trong nông nghiệp mới được xem xét toàn diện về mặt khoa học, và không còn bị giới hạn trong tư duy ý thức hệ chỉ nhằm duy trì các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cho dù nó không còn phù hợp với thực tiễn của nền kinh tế. Việc khẳng định tính ưu việt của mô hình kinh tế hộ nông dân trong bối cảnh kinh tế-xã hội của nước ta ở thời kỳ đầu đổi mới là sự đổi mới của tư duy khoa học và trọng tâm của nó là tư duy xã hội học. Bởi vì theo quan niệm xã hội học, mọi xã hội tồn tại đều là những cơ thể sống hay những hệ thống thống nhất của các yếu tố hay bộ phận của chúng. Các bộ phận của chúng như kinh tế, xã hội, văn hoá và chính trị, v.v., đều là những hệ thống con, phải tương ứng và tương thích với nhau, chi phối và quy định lẫn nhau. Kinh tế hộ nông dân là một yếu tố trong hệ thống kinh tế nông nghiệp, nên luôn phù hợp với hệ thống kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp, chưa có sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường trên toàn thế giới vốn đã tồn tại từ thời kỳ đồ sắt cho đến nay. Nó là mô hình kinh tế duy nhất trong các xã hội nông thôn truyền thống, nơi cha mẹ, vợ chồng và con cái cùng sống chung, lao động chung và cùng hưởng thụ các thành quả lao động chung. Các quan hệ họ hàng, láng giềng và cộng đồng đều là các quan hệ hợp tác tương trợ lẫn nhau được định chế hoá ở các cấp độ khác nhau.

Vì thế kinh tế hộ gia đình là hạt nhân cốt lõi của các quan hệ gia đình, họ hàng và cộng đồng nông thôn Việt Nam truyền thống. Về tổ chức kinh tế, kinh tế hộ nông dân, theo Tchayanov (1995), chỉ bao gồm mối quan hệ giữa hộ gia đình và một mảnh đất canh tác riêng hoặc đi thuê của hộ gia đình. Sức sản xuất của kinh tế hộ nông dân chỉ là sức lao động của các thành viên trong gia đình, không có bất cứ nguồn lực kinh tế nào khác, nên năng suất rất thấp, thu nhập chỉ đủ để tự cung tự cấp nên không thể vượt qua giới hạn của nó. Chính vì thế các quan hệ họ hàng và cộng đồng trong sản xuất nông nghiệp là hết sức cần thiết, nên được định chế hoá theo nguyên tắc có đi có lại. Cũng do chỉ có đất đai và sức lao động gia đình nên quan hệ giữa con người với đất canh tác, với sản xuất nông nghiệp và giữa các thành viên trong hộ gia đình và cộng đồng hết sức gắn bó. Mặt khác, nguyên tắc cơ bản của kinh tế hộ gia đình là tính tự chủ tuyệt đối của nó thông qua quyền sở hữu với đất canh tác dưới mọi hình thức. Trong các gia đình nông thôn Việt Nam truyền thống, các cha mẹ sau khi dựng vợ gả chồng cho con cái đều chia cả đất canh tác và đất ở cho các cặp vợ chồng con cái để họ tự lập, tức là tự chủ trong kinh tế hộ gia đình vì đó là sự xác định ranh giới giữa lợi ích chung của gia đình lớn và lợi ích riêng của hộ gia đình nhỏ hay cá nhân của người nông dân.

Trong thời kỳ sau cải cách ruộng đất và chuẩn bị hợp tác hoá, phong trào tham gia tổ đổi công trong sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc đã hết sức thành công nhờ tính độc lập của kinh tế hộ gia đình vẫn được duy trì vì đất canh tác của hộ chưa được tập thể hoá. Sự đổi công hay hợp tác chỉ diễn ra trong lao động sản xuất.

Nhưng khi kinh tế hộ gia đình tham gia vào hợp tác xã tập thể hoá, đất canh tác được tập thể hoá, hộ gia đình chỉ còn là đơn vị tiêu dùng, không còn là đơn vị kinh tế. Đơn vị kinh tế khi đó là đội sản xuất cũng chỉ là đơn vị lao động và phân chia sản phẩm nên không tạo ra được sự thống nhất về lợi ích giữa các thành viên và sự gắn bó của họ với nhau trong sản xuất tập thể. Người nông dân không còn gắn bó với đất canh tác chung và lao động nông nghiệp tập thể như với mảnh đất canh tác và sản xuất nông nghiệp của kinh tế hộ gia đình vì họ không thấy lợi ích cá nhân của họ được đáp ứng một cách xứng đáng.

Cũng theo Tchayanov (1995), khi kinh tế hộ gia đình có được các nguồn lực kinh tế khác ngoài sức lao động của các thành viên trong hộ như tiền vốn đầu tư để thuê mướn nhân công, sử dụng năng lượng hay máy móc và tham gia vào kinh tế thị trường, thì kinh tế hộ nông dân không còn tồn tại với tư cách là nó nữa. Chính vì thế chính sách chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam sang kinh tế thị trường không chỉ phát huy sức mạnh của kinh tế hộ nông dân mà còn giúp nó thoát ra khỏi giới hạn tự cung tự cấp của nó để làm giàu cho mình và cho xã hội.

3. Kết luận

Chính sách khôi phục và phát triển kinh tế hộ gia đình trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta khi đó không chỉ là sự sửa lỗi cho hệ thống kinh tế nông nghiệp, và tổ chức xã hội nông thôn về cơ bản là tự cung tự cấp, đóng kín, không có quan hệ thị trường với thế giới bên ngoài nhưng đã loại bỏ kinh tế hộ gia đình là hạt nhân cốt lõi cả về kinh tế và xã hội của nó, làm cho người nông dân mất đi động lực kinh tế trong sản xuất và ý thức cộng đồng vốn có trong tổ chức xã hội ở nông thôn. Và chính sách chuyển đổi nền kinh tế sang kinh tế thị trường đã thực sự là sự đổi mới kếp, biến kinh tế hộ gia đình thành kinh tế hộ kinh doanh, vĩnh viễn thoát khỏi tình trạng tự cung tự cấp luôn gắn với nguy cơ nghèo đói, giúp cho nông nghiệp nông thôn ngày càng phát triển và trở thành nguồn lực mạnh mẽ cho công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Sự kết nối và thống nhất của các chính sách đổi mới kinh tế trong nông nghiệp nước ta chính là sự thể hiện tính thực tiễn và hệ thống của tư duy xã hội học.

Tài liệu tham khảo

- Tchayanov Aleksandr Vasilievitch. 1995. *L'organisation de l'économie paysanne*. De chez Libr. du Regard. Broché 344 p.
- Meillassoux Claude. 1992. *Femmes, greniers et capitaux*, L'Harmattan, Paris.
- Giang Lê. 2024. Giảm nghèo ở Việt Nam được ví như “một cuộc cách mạng”. Trang Thông tin đối ngoại (Cơ quan của Ban chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại). <https://ttdn.vn/nguyen-cuu->

trao-doi/ly-luan-thuc-tien/giam-ngheo-o-vi-nam-duoc-vi-nhu-mot-cuoc-cach-mang-104361

Ngô Hồng Giang. 2006. Việt Nam là một nước hàng đầu về xuất khẩu gạo. Báo Nhân Dân. <https://nhandan.vn/viet-nam-la-mot-nuoc-hang-dau-ve-xuat-khau-gao-post480956.html>

Tô Hà. 2025. Ưu tiên phát triển khoa học công nghệ để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Báo Nhân Dân. <https://nhandan.vn/uu-tien-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-de-thuc-day-chuyen-dich-co-cau-kinh-te-post877931.html>